

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ X
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 20/9/2021
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Chân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Thanh Hảo;

- Bà Trương Thị Bích Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phát Huy, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2021/TLST-HN&GD ngày 02 tháng 3 năm 2021 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2021 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử, giữa:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Cẩm A, sinh năm 1994, địa chỉ: số 5B/129, TĐ, khóm CQ 2, phường CP B, thành phố X, tỉnh An Giang;

Bị đơn: Ông Cao Minh H, sinh năm 1984, địa chỉ: số 5B/129, TĐ, khóm CQ 2, phường CP B, thành phố X, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Cẩm A trình bày: Bà và ông H, do mai mối và chung sống với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường CP A, thành phố X, tỉnh An Giang, số 143 vào ngày 25/8/2017. Trong thời gian chung sống, bà A và ông H có sinh 01 con chung tên Cao Minh K, sinh ngày 30/10/2018. Thời gian đầu vợ, chồng chung sống hạnh phúc, nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã.

Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên bà A yêu cầu được ly hôn với ông H; yêu cầu được nuôi dạy con chung, không yêu

cầu ông H cấp dưỡng nuôi dạy con chung; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án: Bị đơn ông Cao Minh H Thống nhất với lời khai của bà A về điều kiện đi đến hôn nhân, thời gian chung sống, địa điểm chung sống, thời gian đăng ký kết hôn và về con chung. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, một phần do nguyên nhân kinh tế, nhưng mâu thuẫn không lớn. Khi xảy ra mâu thuẫn ông H có chủ động hàn gắn tình cảm nhưng bà A không chấp nhận, một phần là vợ chồng không thể ngồi nói chuyện với nhau.

Tuy nhiên, vẫn còn thương vợ nên không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A. Trường hợp, Tòa án cho ly hôn, chấp nhận giao con chung tên Cao Minh K, sinh ngày 30/10/2018 cho bà A nuôi dạy, không cấp dưỡng nuôi dạy con chung; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng các bên không thống nhất nên hòa giải không thành.

- Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Bà A và ông H có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Xét, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ, chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không còn niềm tin dành cho nhau, bà A sau khi cãi vã đã về nhà cha, mẹ ruột sinh sống cho tới nay, ông H mong muốn hàn gắn tình cảm vợ, chủ động hàn gắn tình cảm vợ chồng sau khi xảy ra mâu thuẫn nhưng không thể hàn gắn. Bên cạnh đó, ông H thừa nhận vợ, chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, một phần về kinh tế, và ông xác định ít quan tâm chăm sóc gia đình. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, có tiếp tục duy trì hôn nhân thì mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà A yêu cầu ly hôn với ông H là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Có 01 con chung tên Cao Minh K, sinh ngày 30/10/2018, hiện do bà A đang nuôi dạy cả hai thống nhất giao con chung cho bà A nuôi dạy. Mặc dù bà A không yêu cầu ông H cấp dưỡng, tuy nhiên tại phiên tòa, ông H có

nguyện vọng tự nguyện cấp dưỡng nuôi dạy con chung khi có điều kiện và khả năng. Để đảm bảo cuộc sống ổn định cho con chung và việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật. Xét công nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Từ phân tích trên, đề nghị HĐXX căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn: Bà A được ly hôn với ông H; bà A được nuôi dạy con chung tên Cao Minh K, sinh ngày 30/10/2018; ghi nhận sự tự nguyện của ông H về việc tự nguyện cấp dưỡng nuôi dạy con chung khi có điều kiện và khả năng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà A khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông H. Ông H cư trú tại tổ 18, khóm CQ 2, phường CP B, thành phố X, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà A và ông H, do mai mối và chung sống với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường CP A, thành phố X, tỉnh An Giang, số 143 vào ngày 25/8/2017 nên là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Xét, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ, chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không còn niềm tin dành cho nhau, bà A sau khi cãi vã đã về nhà cha, mẹ ruột sinh sống cho tới nay, ông H mong muốn hàn gắn tình cảm vợ, chủ động hàn gắn tình cảm vợ chồng sau khi xảy ra mâu thuẫn nhưng không thể hàn gắn. Bên cạnh đó, ông H thừa nhận vợ, chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, một phần về kinh tế, và ông xác định ít quan tâm chăm sóc gia đình. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, có tiếp tục duy trì hôn nhân thì mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A về việc ly hôn

với ông H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà A, ông H cùng xác định trong thời kỳ hôn nhân, vợ, chồng có 01 con chung tên Cao Minh K, sinh ngày 30/10/2018 hiện do bà A đang nuôi dạy, ông H có tới lui đưa đón đi học và cả hai thống nhất giao con chung cho bà A nuôi dạy, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi dạy con chung khi có điều kiện và khả năng. Việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà A về việc được tiếp tục nuôi dạy con chung và sự tự nguyện của ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi dạy con chung khi có điều kiện và khả năng.

Bà A cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà A yêu cầu được nuôi dạy con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[2.5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Trần Thị Cẩm A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0004322 ngày 02 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X.

Ông Cao Minh H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Cẩm A.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Cẩm A được ly hôn với ông Cao Minh H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 143 vào ngày 25/8/2017 của Ủy ban nhân dân phường CP A thành phố X, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung:

Bà Trần Thị Cẩm A được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Cao Minh K, sinh ngày 30/10/2018. Ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi dạy con chung khi có điều kiện và khả năng.

Bà A cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Bà Trần Thị Cẩm A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0004322 ngày 02 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X.

Ông Cao Minh H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo của bà Trần Thị Cẩm A, ông Cao Minh H là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. X(2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP.X(1);
- Các đương sự;
- UBND xã, phường nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Chân